

Số: 291 /SNV-CCHC

Quảng Bình, ngày 25 tháng 3 năm 2014

V/v Hướng dẫn tự đánh giá, chấm
điểm để xác định Chỉ số CCHC sở,
ban, ngành cấp tỉnh

Kính gửi: Thủ trưởng sở, ban, ngành cấp tỉnh

Thực hiện Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số CCHC sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình", Sở Nội vụ hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) tại sở, ban, ngành cấp tỉnh hàng năm như sau:

1. Tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần

Để triển khai xác định Chỉ số CCHC, hàng năm, các sở, ban, ngành cấp tỉnh tiến hành tự đánh giá, chấm điểm kết quả CCHC của năm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Bộ Chỉ số CCHC (*Phụ lục 1 Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình*), không tự đánh giá, chấm điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định đánh giá qua điều tra xã hội học. Thời gian đánh giá là đầu Quý I năm sau, liền kề năm đánh giá. Việc tự đánh giá, chấm điểm của sở, ban, ngành cấp tỉnh bắt buộc phải có các tài liệu kiểm chứng kèm theo để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm.

Sở Nội vụ hướng dẫn thống nhất đánh giá, chấm điểm một số tiêu chí (viết tắt là TC), tiêu chí thành phần (viết tắt là TCTP) sở, ban, ngành như sau:

- TCTP 1.1.1: Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1,5 (*Riêng năm 2013, sở, ban, ngành ban hành kế hoạch CCHC năm trong tháng 02/2013 thì được tính điểm*). Không ban hành hoặc ban hành không đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.2: Kế hoạch CCHC của sở, ban, ngành xác định đầy các nhiệm vụ theo Công văn số 137/SNV-CCHC ngày 28/01/2013 của Sở Nội vụ về hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo CCHC hàng năm thì điểm đánh giá bằng 0,5. Nếu kế hoạch CCHC năm không xác định đầy đủ các nhiệm vụ quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.3: Có bố trí kinh phí riêng triển khai các nhiệm vụ CCHC thì điểm đánh giá bằng 0,5. Không bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ CCHC thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.4: Kết quả phải đạt (sản phẩm đầu ra) được xác định rõ, cụ thể về số lượng, gắn với trách nhiệm triển khai nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và có quy định rõ thời gian hoàn thành thì điểm đánh giá bằng 1. Nếu không đạt được một trong số các yêu cầu này thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.5: Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch, sở, ban, ngành xem xét kết quả, sản phẩm đã được hoàn thành, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành so với kế hoạch) và đối chiếu với thang điểm để chấm điểm: Nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.2.1: Sở, ban, ngành phải định kỳ báo cáo công tác CCHC (có 04 báo cáo, 02 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm theo Công văn số 137/SNV-CCHC ngày 28/01/2013 của Sở Nội vụ). Đủ số lượng báo cáo và đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá bằng 3; nếu thiếu báo cáo quý hoặc chậm thời gian quy định thì trừ 0,5 điểm/1 báo cáo, thiếu báo cáo 6 tháng hoặc báo cáo năm hoặc chậm thời gian quy định thì trừ 1 điểm/1 báo cáo.

- TCTP 1.2.2: Các báo cáo có đầy đủ nội dung theo quy định tại Công văn số 137/SNV-CCHC ngày 28/01/2013 của Sở Nội vụ thì điểm đánh giá bằng 1. Không đầy đủ nội dung theo quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.3.1: Kế hoạch kiểm tra CCHC có thể ban hành riêng hoặc chung trong kế hoạch CCHC hàng năm của sở, ban, ngành. Tính tỷ lệ % số phòng, ban chuyên môn và các đơn vị thuộc sở, ban, ngành trong kế hoạch kiểm tra so với tổng số phòng, ban chuyên môn và các đơn vị của cơ quan, đơn vị. Nếu kế hoạch kiểm tra trên 50% số phòng, ban chuyên môn và các đơn vị thì điểm đánh giá bằng 1; nếu kế hoạch kiểm tra từ 30% - 50% thì điểm đánh giá bằng 0,5; dưới 30% hoặc không có kế hoạch kiểm tra thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.3.2: Xác định số phòng, ban chuyên môn và các đơn vị đã được kiểm tra thực tế so với số phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trong kế hoạch kiểm tra để tính tỷ lệ %, từ đó đối chiếu với thang điểm để chấm điểm. Nếu trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,5; từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,3; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,2; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

-TCTP 1.3.3: Qua kiểm tra công tác CCHC, thống kê trong báo cáo của đoàn kiểm tra số lượng vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,5; các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý một phần thì điểm đánh giá bằng 0,25; không xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.4.1: Có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm hoặc phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác tuyên truyền. Nếu có kế hoạch tuyên truyền thì điểm đánh giá bằng 0,5; không có kế hoạch tuyên truyền thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.4.2: Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC được tính theo tỷ lệ %, nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.5.1: Có gắn kết quả thực hiện CCHC với việc xét thi đua, khen thưởng của các tập thể, cá nhân tại sở, ban, ngành hàng năm (phải có văn bản cụ thể như: Quy chế, quy định,...) thì điểm đánh giá bằng 1; Không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.5.2: Có sáng kiến trong CCHC cấp ngành trở lên của các tập thể, cá nhân trong sở, ban, ngành (là những giải pháp, cách làm mới có hiệu quả trong triển khai các nhiệm vụ CCHC) thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có sáng kiến thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.7.1: Có bố trí, sử dụng hòm thư góp ý tại sở, ban, ngành và ban hành quy chế xử lý các đơn thư phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có hòm thư góp ý và không ban hành quy chế xử lý thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.7.2: Thực hiện mở hòm thư góp ý và xử lý các đơn thư phản ánh, kiến nghị tại sở, ban, ngành đúng quy chế thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thực hiện mở hòm thư và xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị không đúng quy chế thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.8.1: Có bố trí, sử dụng đường dây nóng tại sở, ban, ngành và ban hành quy chế sử dụng đường dây nóng thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có bố trí, sử dụng đường dây nóng và không ban hành quy chế sử dụng đường dây nóng thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.8.2: Thực hiện giải quyết các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức qua đường dây nóng đúng quy chế thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thực hiện giải quyết các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức qua đường dây nóng không đúng quy chế thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.1.1: Xác định số văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc lĩnh vực tham mưu của sở, ban, ngành theo kế hoạch, chương trình hàng năm của UBND tỉnh đã được phê duyệt, từ đó xác định số văn bản QPPL đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành trong năm; nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,5; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,3; Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,2; trong năm không tham mưu ban hành văn bản QPPL theo kế hoạch hoặc thực hiện dưới 50% kế hoạch hoặc không có tham mưu ban hành văn bản QPPL thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.1.2: Sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh thực hiện quy trình ban hành các văn bản QPPL đúng với các quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND và các quy định khác có liên quan. Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.2.1: Sở, ban, ngành ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý do HĐND, UBND tỉnh ban hành (Có kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch chung của sở, ban, ngành). Nếu có ban hành kế hoạch năm thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.2.2: Mức độ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý do HĐND, UBND tỉnh ban hành được tính theo tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch ban hành. Nếu hoàn thành kế hoạch năm thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không hoàn thành kế hoạch năm thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.2.3: Thông qua rà soát phát hiện những văn bản QPPL còn hiệu lực, văn bản hết hiệu lực, văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ..., từ đó xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử lý theo Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Nếu việc xử lý thực hiện theo đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.1: Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời văn bản QPPL của cấp trên và văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong phạm vi ngành quản lý, tham mưu. Nếu trên 80% văn bản QPPL được triển khai thực

hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; nếu từ 70% - 80% văn bản QPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0,7; nếu từ 50% - dưới 70% văn bản QPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0,4; nếu dưới 50% văn bản QPPL được triển khai thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.2: Nếu có ban hành kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại sở, ban, ngành thì điểm đánh giá bằng 0,5; không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.3: Mức độ thực hiện kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL tại sở, ban, ngành được tính theo tỷ lệ %, nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,5; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,3; Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,2; Thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.4: Qua tự kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL tại sở, ban, ngành, qua báo cáo của đoàn kiểm tra thống kê số lượng vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu tất cả (100%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu hầu hết (từ 80% - dưới 100%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,3; nếu một số (từ 50% - dưới 80%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,2; dưới 50% hoặc không xử lý hoặc không kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 2.4: Có kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC chung của sở, ban, ngành về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi sở, ban, ngành thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.1.1: Nếu thời điểm ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC của sở, ban, ngành trong tháng 1 năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1,5; nếu thời điểm ban hành sau tháng 1 hoặc không ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC của sở, ban, ngành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.1.2: Mức độ thực hiện kiểm soát TTHC được tính theo tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch ban hành. Nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.1.3: Các cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL tham mưu cho UBND tỉnh ban hành có chứa TTHC bắt buộc phải đánh giá tác động của TTHC. Việc đánh giá tác động TTHC phải thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC. Nếu thực hiện đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá bằng 2; nếu không thực hiện đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.1.4: Thường xuyên cập nhật kịp thời các quy định mới ban hành thuộc phạm vi ngành quản lý, tham mưu để bổ sung, sửa đổi các TTHC trình UBND tỉnh công bố theo quy định. Nếu cập nhật kịp thời thì điểm đánh giá bằng 1; nếu cập nhật không kịp thời hoặc không cập nhật thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.1.5: Việc kiểm soát và tổ chức thực hiện các TTHC đã được UBND tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC. Nếu trong quá trình thực hiện các TTHC đảm bảo đúng quy định 100% thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có dưới 20% TTHC thực hiện không đúng quy định điểm đánh giá bằng 0,5; nếu có từ 20% TTHC trở lên thực hiện không đúng quy định điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.2.1: Xác định tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành để công khai đầy đủ, đúng quy định tại trụ sở cơ quan, đơn vị hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Nếu đạt 100% số TTHC công khai thì điểm đánh giá bằng 2; từ 80% - dưới 100% số TTHC công khai thì điểm đánh giá bằng 1,5; từ 50% - dưới 80% số TTHC công khai thì điểm đánh giá bằng 1; dưới 50% số TTHC công khai thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.2.2:

+ a) Xác định tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành để công khai đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị. Nếu có trên 80% số TTHC được công khai thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70 - 80% số TTHC được công khai thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50% - dưới 70% số TTHC được công khai thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% số TTHC được công khai thì điểm đánh giá bằng 0.

+ b) Rà soát, đánh giá các quy định về TTHC trong các văn bản QPPL đã ban hành để kịp thời phát hiện, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định còn bất

cập, vướng mắc. Nếu thực hiện tốt, chất lượng tốt thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có thực hiện nhưng kết quả chưa tốt thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

+ c) Niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định về TTHC theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC. Nếu thực hiện đúng quy định, kết quả tốt thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có thực hiện nhưng kết quả chưa tốt thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 4.1: Nếu tất cả các phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Chính phủ, Bộ, ngành có liên quan về tổ chức bộ máy thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có một hoặc một số phòng, ban, đơn vị được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức không đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ, ngành có liên quan thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.3.1: Hàng năm sở, ban, ngành phải xây dựng kế hoạch (kế hoạch riêng hoặc trong kế hoạch CCHC chung của sở, ban, ngành) kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc. Nếu có kế hoạch kiểm tra đối với trên 30% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc thì điểm đánh giá bằng 1; có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc thì điểm đánh giá bằng 0,5; có kế hoạch kiểm tra dưới 20% hoặc không có kế hoạch kiểm tra thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.3.2: Xác định số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã được kiểm tra trên thực tế so với số phòng, ban, đơn vị trực thuộc trong kế hoạch kiểm tra về tổ chức bộ máy để tính tỷ lệ %. Nếu trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.3.3: Qua kiểm tra, thống kê số lượng các vấn đề không đúng quy định về tổ chức bộ máy cần phải xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu tất cả (100%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 1; nếu hầu hết (từ 80% - dưới 100%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,7; nếu một số (từ 50% - dưới 80%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,4; không xử lý hoặc kiến nghị xử lý dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.4.1: Thống kê các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành để đánh giá việc thực hiện. Nếu tất cả quy định của UBND tỉnh được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.4.2: Hằng năm có kế hoạch kiểm tra (hoặc nằm trong kế hoạch chung của sở, ban, ngành) việc thực hiện các nhiệm vụ đã được phân cấp cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Nếu có thực hiện kiểm tra thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không thực hiện kiểm tra thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 4.4.3: Qua kiểm tra, thống kê số vấn đề tồn tại, vướng mắc trong thực hiện phân cấp cần phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. Nếu tất cả (100%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 1; nếu hầu hết (từ 80% - dưới 100%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,7; nếu một số (từ 50% - dưới 80%) các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,4; không xử lý hoặc kiến nghị xử lý dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.1.1: Thống kê tổng số phòng và tương đương phòng có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt và tính theo tỷ lệ %. Nếu đạt tỷ lệ trên 60% số phòng và tương đương phòng có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt thì điểm đánh giá bằng 1; đạt tỷ lệ từ 30% - 60% thì điểm đánh giá bằng 0,7; đạt tỷ lệ từ 20% - 30% thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 20% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.1.2: Thống kê tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt và tính tỷ lệ %. Nếu đạt tỷ lệ trên 60% số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì điểm đánh giá bằng 0,5; đạt tỷ lệ từ 30% - 60% số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì điểm đánh giá bằng 0,3; đạt tỷ lệ từ 20% - dưới 30% số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì điểm đánh giá bằng 0,2; dưới 20% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.1.3: Thống kê tổng số phòng, ban, đơn vị thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt đúng quy định so với tổng số phòng, ban, đơn vị thuộc sở, ban, ngành để tính tỷ lệ %. Nếu có trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng thì điểm đánh giá bằng 1,5; nếu có từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.2.1: Công chức được tuyển dụng và công chức hiện có được bố trí đúng quy định của vị trí việc làm được phê duyệt và đúng ngạch công chức thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có công chức bố trí không đúng quy định của vị trí việc làm hoặc không đúng ngạch công chức thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.2.2: Sở, ban, ngành thực hiện việc tuyển dụng, bố trí viên chức theo đúng quy định vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.2.3: Thống kê tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện bố trí viên chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp so với tổng số đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành. Nếu các đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu có đơn vị trực thuộc thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.3.1: Hàng năm sở, ban, ngành phải xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị. Nếu thời điểm ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trong tháng 1 của năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1. Thời điểm ban hành muộn hơn hoặc không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.3.2: Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của sở, ban, ngành được tính theo tỷ lệ %. Nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.4.1: Sở, ban, ngành thực hiện đúng quy định về đánh giá công chức trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được giao hàng năm thì điểm đánh giá bằng 2; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.4.2: Trong năm có tổ chức thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền của cơ quan đơn vị thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không tổ chức thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.4.3: Có xây dựng kế hoạch hoặc đăng ký kế hoạch với cấp có thẩm quyền để thu hút nhân tài thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có kế hoạch hoặc không đăng ký thu hút nhân tài thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 5.6: Thống kê số cán bộ công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng trong năm so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong toàn cơ quan, đơn vị và tính tỷ lệ %. Nếu đạt tỷ lệ trên 70% số cán bộ, công chức được

đào tạo, bồi dưỡng thì điểm đánh giá bằng 1; từ 50% - 70% số cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng thì điểm đánh giá bằng 0,5; dưới 50% số cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 6.1.1: Sở, ban, ngành thực hiện đúng quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2006 của Chính phủ, trong đó tiết kiệm quản lý chi tiêu, có tăng thu nhập cho cán bộ, công chức thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thực hiện không đúng quy định, không có tăng thu nhập cho cán bộ, công chức thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 6.2.1: Các đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành thực hiện đúng quy định Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính, trong đó tiết kiệm quản lý chi tiêu, có tăng thu nhập cho công chức, viên chức. Nếu có trên 80% đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định, tiết kiệm quản lý chi tiêu, có tăng thu nhập cho công chức, viên chức thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có từ 70%-80% đơn vị trực thuộc thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0,7; nếu có từ 50%- dưới 70% đơn vị trực thuộc thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% đơn vị trực thuộc thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 7.1.1: Tự đối chiếu với các quy định hiện hành, các sở, ban, ngành tự đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin. Nếu kết quả được đánh giá đúng quy định và đạt loại khá trở lên thì điểm đánh giá bằng 1; nếu kết quả được đánh giá đúng quy định và đạt loại trung bình thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu kết quả đánh giá không đúng quy định và dưới trung bình thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 7.1.2: Sở, ban, ngành có sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc, văn bản điện tử thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không sử dụng mạng LAN thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 7.1.4: Căn cứ TTHC, dịch vụ công của cơ quan, đơn vị mình được cung cấp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc Trang thông tin điện tử để tự chấm điểm. Nếu tất cả dịch vụ công đều được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2 thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 thì được cộng thêm 0,5; nếu có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 thì được cộng thêm 0,5.

Ví dụ: Cơ quan A có 20 dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2; có 2 dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3; có 1 dịch vụ

công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4. Như vậy, điểm đánh giá của cơ quan A là: $1+0,5+0,5=2$ điểm.

- TCTP 7.1.5: Có triển khai thực hiện, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành theo Công văn 2061/UBND-VX ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh về triển khai, nhân rộng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Bình và thực hiện tốt thì điểm đánh giá bằng 2; nếu có triển khai thực hiện nhưng ở mức khá thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có triển khai thực hiện nhưng ở mức trung bình thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu có triển khai thực hiện nhưng ở mức dưới trung bình hoặc không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 7.2.1: Trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành được xây dựng theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Nếu có đầy đủ các thành phần theo quy định thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không đầy đủ các thành phần theo quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 7.3: Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO theo đúng quy định tại Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước; Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg; Quyết định 3307/QĐ-UBND ngày 17/11/2009 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 của UBND tỉnh. Nếu thực hiện đúng quy định, đầy đủ (duy trì, cải tiến, đánh giá,...) thì điểm đánh giá bằng 4; nếu đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá bằng 2; chưa thực hiện hoặc không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.1.1: Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 28/9/2007 của UBND tỉnh. Nếu sở, ban, ngành thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.1.2: Có áp dụng Bộ phận một cửa liên thông trong giải quyết công việc, TTHC tại sở, ban, ngành thì điểm đánh giá bằng 1; không áp dụng Bộ phận một cửa liên thông trong giải quyết công việc, TTHC tại sở, ban, ngành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.2.1: Số lượng TTHC được giải quyết thông qua bộ phận một cửa của sở, ban, ngành đạt trên 80% thì điểm đánh giá bằng 1; số lượng TTHC được giải quyết thông qua bộ phận một cửa của sở, ban, ngành đạt từ 70%-80% thì điểm đánh giá bằng 0,7; số lượng TTHC được giải quyết thông qua bộ phận một cửa của sở, ban, ngành đạt từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá bằng 0,4; số lượng TTHC được giải quyết thông qua bộ phận một cửa của sở, ban, ngành dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.2.2: Có áp dụng liên thông trong giải quyết TTHC tại sở, ban, ngành (Thủ tục liên thông? Liên thông với cơ quan, đơn vị?... phải giải thích cụ thể) thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không áp dụng liên thông trong giải quyết TTHC tại sở, ban, ngành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 8.3: Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông sở, ban, ngành theo đúng quy định tại Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ thì điểm đánh giá bằng 2; nếu có bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông sở, ban, ngành nhưng chưa đầy đủ thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không bố trí hoặc bố trí không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

2. Xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của sở, ban, ngành

- Sau khi tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC, sở, ban, ngành xây dựng báo cáo (*theo mẫu Báo cáo đính kèm*) gửi về Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Các tài liệu kiểm chứng (bản phô-tô hoặc bản chính) phải được gửi kèm theo Báo cáo để phục vụ cho công tác thẩm định, gồm có: Các kế hoạch, báo cáo, quyết định, các số liệu thống kê trên các lĩnh vực CCHC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận để phục vụ cho việc tính điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng thì phải diễn giải đầy đủ, cụ thể cách đánh giá, tính điểm.

Nếu các đơn vị không gửi kèm tài liệu kiểm chứng hoặc không giải trình cụ thể việc tự đánh giá chấm điểm thì Sở Nội vụ đề xuất Hội đồng thẩm định của tỉnh sẽ trừ điểm đó và không có thông báo thêm.

- Thời gian gửi báo cáo tự đánh giá, chấm điểm trước ngày **30/01** hàng năm (Riêng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm năm 2013 sở, ban, ngành hoàn thành và gửi trước ngày **30/5/2014**). Khi gửi Báo cáo đồng thời gửi kèm file báo cáo trên word theo địa chỉ e-mail: nhung84snn@gmail.com.

3. Điều tra, khảo sát công tác CCHC của sở, ban, ngành

- Tổng số câu hỏi điều tra, khảo sát là: 24 câu, chia thành 6 nhóm đối tượng điều tra, khảo sát, cụ thể:

+ Khảo sát lãnh đạo sở, ban, ngành (theo mẫu phiếu CS-01) với 13 câu;

+ Khảo sát lãnh đạo cấp Phòng thuộc sở, ban, ngành (theo mẫu phiếu CS-02) với 14 câu;

+ Khảo sát lãnh đạo UBND cấp huyện (theo mẫu phiếu CS-03) với 07 câu;

+ Khảo sát lãnh đạo, công chức Phòng thuộc UBND cấp huyện (theo mẫu phiếu CS-04) với 10 câu;

+ Khảo sát các Doanh nghiệp, tổ chức có giao dịch liên quan (theo mẫu phiếu CS-05) với 09 câu;

+ Khảo sát người dân có giao dịch liên quan (theo mẫu phiếu CS-01) với 06 câu.

(Đính kèm các mẫu khảo sát)

- In ấn, phân bổ số lượng, tổng hợp kết quả phiếu điều tra, khảo sát công tác CCHC của sở, ban, ngành do Sở Nội vụ chủ trì thực hiện;

- Phát phiếu, thu phiếu điều tra khảo sát do sở, ban, ngành có liên quan thực hiện.

- Kinh phí chi trả điều tra, khảo sát theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Sở Tài chính.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC hàng năm của sở, ban, ngành. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ (Phòng Cải cách hành chính, ĐT: 0523.384480) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, CCHC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)
Hoàng Văn Cường